

Bản án số: 18/2026/HS-ST  
Ngày: 24/3/2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Bình

*Thẩm phán:* Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Hồ Hoàng Diệu

2/ Ông Nguyễn Trần Hiếu

3/ Bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Dương Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2025/TLST - HS ngày 30 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐ – TA ngày 12 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Phát Đ** (tên gọi khác Đ nhỏ, H), sinh ngày 07/12/2003 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số A, tổ A, khu vực Bình Dương B, phường L, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1975 (sống) và bà Trần Thị P1, sinh năm 1984 (sống). Tiền án: không.

Tiền sự: 01. Ngày 07/11/2022, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chấp hành xong ngày 12/3/2024.

Nhân thân:

- Ngày 16/12/2020, bị Công an quận B, thành phố Cần Thơ (cũ) xử phạt 375.000 đồng về hành vi Đánh nhau, chưa nộp phạt.

- Ngày 26/4/2021, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (cũ) đình chỉ vụ án Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nhâm Quốc T**, sinh ngày 22/11/2003 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số 315/BT, tổ A, khu vực Bình Thường A, phường L, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nhâm Văn T1, sinh năm 1972 (sống) và bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1981 (sống). Tiền án: không.

Tiền sự: 02.

- Ngày 26/9/2024, bị Công an xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ (cũ) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; chưa nộp phạt.

- Ngày 16/01/2025, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (cũ) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chưa chấp hành vì bị bắt khẩn cấp ngày 31/12/2024.

Nhân thân:

- Ngày 17/02/2022, bị Công an xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ (cũ) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trương Minh L** (tên gọi khác B), sinh ngày 26/10/2005 tại Cần Thơ. Nơi đăng ký thường trú: số A, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: ấp M, phường A, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Trương Ngọc Nhật L1, sinh năm 1973 (sống) và bà Nguyễn Tú T3, sinh năm 1974 (sống). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 01/8/2020, bị Công an phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (cũ) xử phạt cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Đinh Vũ L2**, sinh ngày 01/3/2000 tại An Giang. Nơi cư trú: số A, khu vực Bình Dương B, phường L, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; con bà Đinh Ngô Thị D, sinh năm 1985 (sống) và cha không rõ. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Quốc T4**, sinh ngày 19/12/2005 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số D, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Tấn T5, sinh năm 1965 (sống) và bà Lâm Bạch K, sinh năm 1966 (sống). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 30/9/1986 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số H, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1961 (sống). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/9/2019, bị Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (cũ) xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi gây thương tích cho người khác; nộp phạt xong ngày 30/9/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/8/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Thế Lê M (Nguyễn Thế Lê M1)**, sinh ngày 29/6/2004 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số A, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Thế H2, sinh năm 1973 (sống) và bà Lê Thị Kim T6, sinh năm 1976 (sống). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 31/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2021.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phát Đ*: Luật sư Nguyễn Quốc N1 – Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Nhâm Quốc T*: Luật sư Nguyễn Thu H3 – Văn phòng L6, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Trương Minh L*: Luật sư Võ Thị Mỹ P2 – Công ty L7, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Vũ L2*: Luật sư Nguyễn Văn T7 – Công ty L7, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T4*: Luật sư Võ Minh T8 – Văn phòng L8, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1*: Luật sư Trịnh Hữu B1 – Văn phòng L9, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế Lê M*: Luật sư Huỳnh Chí T9 – Công ty L10, Đoàn Luật sư thành phố C.

\* *Bị hại*: Ông Lê Hữu Đ1 (Trung Em), sinh năm 1986;  
Địa chỉ: số C, khu vực Bình Thường A, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Văn Thanh T10, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số A, tổ H, khu vực Bình Thường A, phường L, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Ông Thi Thiên T11, sinh năm 2007;

Địa chỉ: ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

3. Bà Ngô Thị M2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số A, khu vực Bình Dương B, phường L, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: bà Đinh Ngô Thị D, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số A, khu vực Bình Dương B, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số C, khu vực Bình Thường A, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: số H, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

6. Ông Nguyễn Tấn T5, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Đ2.

Cùng địa chỉ: số D, khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ. Ông T5 vắng mặt, bà Đ2 có mặt.

7. Ông Trương Ngọc Nhật L1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số A, khu V, phường A, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

8. Bà Trần Thị P1 (H4), sinh năm 1984;

Địa chỉ: số A, tổ A, khu vực Bình Dương B, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

9. Bà Lê Thị Kim T6, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số A, khu V, phường L, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

*\* Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn P. Vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị S và ông Nguyễn Ngọc P3 (Đời). Bà S có mặt, ông P3 vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Đặng Gia L3. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn T12. Vắng mặt.

5. Ông Cao Thành L4. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Văn M3. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phát Đ, Trương Minh L, Nhâm Quốc T, Nguyễn Quốc T4, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thế Lê M và Đinh Vũ L2 có mối quan hệ bạn bè quen biết chơi chung với nhau. Tất cả đều không mâu thuẫn với Lê Hữu Đ1.

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 09/12/2024, ông Nguyễn Ngọc P3 cùng Lê Hữu Đ1 đến nhà của ông Văn Thanh T10 để đòi số tiền 43.000.000 đồng mà bà Trần Thị P1 (vợ của T10 cũng là mẹ ruột của Nguyễn Phát Đ) vay trước đó. Quá trình đòi tiền giữa Đ1 và bà P1 xảy ra mâu thuẫn cự cãi. Lúc này, ông T10

đi làm về thấy cự cãi nên điện thoại thông báo cho Đ hay là có người đòi nợ mẹ Đ và hăm dọa đánh nên kêu Đ về giải quyết. Lúc này, Đ, M và K1 (không rõ nhân thân) đang uống cà phê ở Công viên S, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) nghe ông T10 nói vậy dự đoán sẽ có đánh nhau nên Đ rủ M và K1 về nhà để đánh nhau giải quyết mâu thuẫn thì K1 và M đồng ý. Sau đó, Đ điện thoại cho L2 và T rủ đi đánh nhau thì L2 và T đồng ý. Đồng thời, Đ kêu L2 chuẩn bị dao tự chế để đi đánh nhau và tập hợp ở cầu R, phường L, thành phố Cần Thơ gần nhà ông T10. Tiếp đó, L2 điện thoại cho T4 rủ lên nhà của Đ để đánh nhau tiếp Đ thì T4 đồng ý. Do L2 điện thoại cho T4 mở loa điện thoại lớn nên L đang ở nhà T4 nghe được, L biết chuyện đi đánh nhau tiếp Đ nên xin đi theo.

Khi đi, Đ điều khiển xe mô tô biển số 95E1-834.49 chở M và K1 ngồi sau đến cầu R thuộc phường L, thành phố Cần Thơ để tập hợp cùng đi đánh nhau. L2 điều khiển xe mô tô biển số 65D1 - 491.94 mang theo 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 58 cm bỏ vào giỏ xách gà mang làm hung khí đánh nhau. Trên đường đi thì Đ điện thoại cho L2 kêu ghé đón T ở rạch ông K2 ở khu vực Bình Phó A, phường L, thành phố Cần Thơ cùng đi đánh nhau. Sau khi đón T xong thì L2 chở T đến cầu R để cùng nhóm của Đ đến cùng đi đánh nhau. T4 điều khiển xe mô tô biển số 65B2-218.47 chở L ngồi sau, trên đường đi do không có hung khí nên L và T4 ghé nhà của H1 để hỏi mượn 01 (một) con dao tự chế cán nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 50 cm và 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 52 cm mang theo làm hung khí đánh nhau. Khi đến nhà của H1, L đi vào mượn dao nhưng H1 không cho mượn H1 nói với L là “T4 mượn tao mới cho”. T4 đi vào gặp H1 và nói với H1 là cho mượn dao để đi đánh nhau thì H1 đồng ý đưa cho hai con dao tự chế được đựng trong giỏ xách gà cho T4. Lấy được dao, T4 chở L đến địa điểm hẹn là cầu R. Khi nhóm của Đ tập hợp tại cầu R thì Đ xuống xe mở giỏ xách của T4 lấy con dao tự chế cán nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 50 cm làm hung khí, L lấy con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 52 cm làm hung khí còn con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 58 cm của L2, T lấy làm hung khí. Sau khi lấy dao xong, nhóm của Đ lên xe đi vào nhà ông T10 để đánh nhau. T4 chở L ngồi sau cầm dao trên xe biển số 65B2-218.47, L2 chở T ngồi sau cầm dao trên xe biển số 65D1-491.94, M điều khiển xe biển số 95E1-834.49 chở Đ ngồi giữa cầm dao còn K1 ngồi sau đi trước dẫn đường vào nhà ông T10.

Khi đến nơi, Đ xuống xe cầm dao đi vào nói chuyện với Đ1 thì xảy ra cự cãi. Đ1 dùng tay đánh vào mặt của Đ nhưng không trúng. Thấy vậy, Đ cầm dao chém Đ1 05 (năm) nhát trúng vào vùng lưng, vai. T cũng cầm dao xông vào chém khoảng 04 - 05 nhát vào vai, cánh tay trái của Đ1. Bị chém nên Đ1 bỏ chạy vào phía trong nhà ông T10, Đ cầm dao rượt theo, Đ1 có lấy 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 45 cm có sẵn trong nhà ông T10 để chém lại Đ nhưng không trúng và rớt dao xuống đất. Tiếp đó, Đ1 dùng ghế

nhựa để đỡ các nhát chém của Đ. Sau đó, Đ1 bỏ chạy ra ngoài thì L dùng dao chém 02 nhát vào lưng, Đ1 té xuống bên hông nhà thì Đ xông đến chém liên tiếp khoảng 20 nhát vào vùng đầu, lưng của Đ1. L2, M, T4, K1 không tham gia đánh Đ1 mà đứng ngoài canh chừng nếu Đ, T, L đánh không lại thì vào đánh tiếp. Sau khi, chém Đ1 nằm gục xuống đất các bị cáo khác đến can ngăn kéo Đ ra ngoài, sau đó cả nhóm của Đ lên xe rời khỏi hiện trường. T4 chở L về nhà của H1 để trả hai con dao và cho H1 biết sự việc chém nhau đã xong.

Lê Hữu Đ1 được mọi người đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Đ3 đến ngày 13/12/2024 xuất viện.

***Vật chứng thu giữ:***

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu trắng; Imel: 356646100254036, có gắn thẻ sim: 0908.062.800 của Trương Minh L;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu xám; Imel: 352379551914098, có gắn thẻ sim: 0939.700.820 của Nguyễn Văn H1;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 10 5G, số IMEL 1: 862807057011541, có gắn sim 0794.234.326 của Đinh Vũ L2;

- 01 (một) áo thun có bầu, tay ngắn màu đen của Đinh Vũ L2;

- 01 (một) quần jean dài màu xanh của Đinh Vũ L2;

- 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng của Đinh Vũ L2;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 màu xanh, I: 356347112257386 của Đinh Vũ L2;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro màu xanh đen; IMEL 1: 864182042572751, có gắn thẻ sim: 0913.748.426 của Nhâm Quốc T;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Max màu trắng; IMEL: 351037754993498 của Nguyễn Phát Đ;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Vario 125 màu trắng đen biển số 65B2-218.47; số khung: MH1JM5111JK012879; số máy: JM51E1013240 của Nguyễn Quốc T4;

- 01 (một) con dao tự chế cán nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 50 cm của Nguyễn Văn H1;

- 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 52 cm của Nguyễn Văn H1;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave 110 màu xanh biển số 95E1-834.49 có số khung: RLHHC09093Y414008; số máy: HC09E-0413616 của Nguyễn Phát Đ;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh đen; IMEL: 353897105700845 có gắn thẻ sim: 0907.374.524 của Thi Thiên T11;

- 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 58 cm do ông Nguyễn Văn T12 giao nộp.

- 03 (ba) ghế nhựa màu xanh loại ghế tựa 04 chân, trong đó có hai ghế gãy mất một chân sau do ông Văn Thanh T10 giao nộp;

- 01 (một) bọc nilong màu trắng có chứa nhiều mảnh thủy tinh vỡ do ông Văn Thanh T10 giao nộp;

- 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 45 cm do ông Văn Thanh T10 giao nộp.

- 01 (một) điện thoại Iphone 14 Pro màu đen; IMEL: 356378584657696 của Nguyễn Quốc T4.

\* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 03/KLTTCT-TTPYCT ngày 03/01/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế thành phố C kết luận:

1. Các kết quả chính:

- 02 (Hai) vết sẹo vùng trán - đỉnh lệch trái (vùng có tóc che);
- 02 (Hai) đường gãy bản ngoài xương trán trái;
- 01 (Một) vết sẹo vùng cằm phải;
- 01 (Một) vết sẹo vành tai phải;
- 01 (Một) vết sẹo vùng hạ sườn trái;
- 01 (Một) vết sẹo vùng lưng lệch trái;
- 01 (Một) vết sẹo điểm vùng bụng;
- 02 (Hai) vết sẹo vùng thắt lưng - mông bên phải;
- 01 (Một) vết sẹo mặt mu ngón I bàn tay phải;
- 01 (Một) vết sẹo mặt lòng đốt giữa ngón II bàn tay phải;
- 01 (Một) vết sẹo mặt sau - trong cổ tay trái;
- 02 (Hai) vết sẹo mặt lòng đốt gần và đốt xa ngón I bàn tay trái;
- 01 (Một) vết sẹo mặt lòng đốt xa ngón III bàn tay trái;
- 10 (Mười) vết biến đổi sắc tố da vùng lưng, vai phải, cánh tay phải.

2. Kết luận: tỷ lệ phần trăm thương tích trên cơ thể người của ông Lê Hữu Đ1 tại thời điểm giám định là 27% (Hai mươi bảy phần trăm).

3. Cơ chế hình thành vết thương:

- Sây sát da kèm bầm vùng vai phải trên người ông Lê Hữu Đ1 phù hợp với cơ chế do vật tày gây nên.

- Các thương tích còn lại trên cơ thể ông Lê Hữu Đ1 phù hợp với cơ chế do vật sắc nhọn gây nên.

4. Chiều hướng hình thành vết thương: Do tại thời điểm giám định các thương tích của ông Lê Hữu Đ1 đã lành nên không có cơ sở khoa học để xác định chiều hướng hình thành vết thương.

5. Tỷ lệ từng vết thương:

- 02 (Hai) vết sẹo vùng trán - đỉnh lệch trái (vùng có tóc che) mỗi vết có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% (Hai phần trăm);
- 02 (Hai) đường nứt bản ngoài xương sọ trán trái mỗi đường nứt có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 06% (Sáu phần trăm);
- 02 (Hai) vết sẹo vùng thắt lưng - mông bên phải mỗi vết có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- 02 (Hai) vết sẹo mặt lòng đốt gần và đốt xa ngón I bàn tay trái mỗi vết có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo vùng cằm phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo vành tai phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02 % (Hai phần trăm);
- Vết sẹo vùng hạ sườn trái có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo vùng lưng lệch trái có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo vùng bụng có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo mặt mu ngón I bàn tay phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo mặt lòng đốt giữa ngón II bàn tay phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo mặt sau - trong cổ tay trái có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Vết sẹo mặt lòng đốt xa ngón III bàn tay trái có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm);
- Nhiều vết biến đổi sắc tố da vùng lưng; vai phải và cánh tay phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (Một phần trăm). (BL 192-194).

\* Tại Bản kết luận giám định số 18/KL-KTHS ngày 30/7/2025 của Phòng K3, Công an thành phố C kết luận:

- Máu ghi thu của Lê Hữu Đ1 thuộc nhóm máu O;
- Máu ghi thu của Nguyễn Phát Đ thuộc nhóm máu A;
- Máu ghi thu của Nhâm Quốc T thuộc nhóm máu A;
- Máu ghi thu của Trương Minh L thuộc nhóm máu O;
- Dao, 03 cái ghế có máu người, chất lượng mẫu kém nên không xác định được nhóm máu;
- 03 con dao, mẫu quần áo do Đinh Vũ L2 giao nộp không tìm thấy dấu vết máu. (BL 188-189).

\* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 183/KL-HĐĐGTS ngày 04/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C kết luận:

+ 02 (hai) ghế nhựa cao có lưng tựa màu xanh (loại ghế nhựa hiệu Duy Tân) bị gãy một chân sau, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 09/12/2024 là: 19.000 đồng.

+ 01 (một) tấm kính cửa có chiều rộng 0,5 m, chiều dài 1m27cm, độ dày kính 04mm; loại kính hoa văn mờ, kính thường, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 09/12/2024 là: 110.000 đồng. (BL 724e-724i).

***Về trách nhiệm dân sự:*** Bị hại Lê Hữu Đ1 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường tiền chi phí điều trị, tổn hại sức khỏe, tinh thần số tiền 120.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường, gia đình Đinh Vũ L2 giao nộp 17.000.000 đồng, gia đình Nguyễn Văn H1 giao nộp 1.000.000 đồng, gia đình Trương Minh L giao nộp 500.000 đồng, gia đình Nguyễn Quốc T4 giao nộp 1.000.000 đồng, gia đình Nhâm Quốc T giao nộp 17.000.000 đồng để bồi thường khắc phục một phần hậu quả. Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Thế Lê M chưa khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSTPCT-P2 ngày 25/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phát Đ, Nhâm Quốc T, Trương Minh L, Đinh Vũ L2, Nguyễn Quốc T4, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thế Lê M về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

***\* Tại phiên tòa:***

Các bị cáo Nguyễn Phát Đ, Nhâm Quốc T, Trương Minh L, Đinh Vũ L2, Nguyễn Quốc T4, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thế Lê M cũng thống nhất nội dung bản cáo trạng, tội danh và những điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố đối với các bị cáo.

Người bị hại Lê Hữu Đ1 công nhận cáo trạng Viện kiểm sát đã xác định đúng nội dung vụ án đã diễn ra. Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật, nhưng có yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đề nghị buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền tổng cộng là 120.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thi Thiên T11 và ông Trương Ngọc Nhật L1 xin nhận lại tài sản do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận* vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố về tội danh và điều khoản áp dụng đối với các bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố các bị cáo Nguyễn Phát Đ, Nhâm Quốc T, Trương Minh L, Đinh Vũ L2, Nguyễn Quốc T4, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thế Lê M phạm

tội “Giết người”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phát Đ từ 13-14 năm tù;
- Bị cáo Trương Minh L từ 12-13 năm tù;
- Bị cáo Nhâm Quốc T từ 12-13 năm tù;
- Bị cáo Đinh Vũ L2 từ 10-11 năm tù;
- Bị cáo Nguyễn Quốc T4 từ 10-11 năm tù;
- Bị cáo Nguyễn Thế Lê M từ 10-11 năm tù;
- Bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 9-10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại Lê Hữu Đ1 với số tiền là 120.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo hướng:

- Những hung khí các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, quần áo thu giữ của các bị cáo, những vật dụng bị hư hỏng không còn giá trị tịch thu tiêu hủy.
- Các vật chứng các bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội như xe gắn máy, điện thoại di động tịch thu sung công.
- Những vật chứng không có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo như điện thoại di động, xe gắn máy của các bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì trả lại cho các bị cáo và người có liên quan.

- *Luật sư Nguyễn Quốc NI bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phát Đ:*

Luật sư thống nhất với nội dung bản cáo trạng và tội danh mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng cho bị cáo Đ. Luật sư có đề nghị xem xét cho bị cáo những tình tiết giảm nhẹ như đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại với số tiền là 1.000.000 đồng. Luật sư có đề nghị xem xét thêm tình tiết là theo nội dung vụ án, bị hại cũng có lỗi là đã đánh bị cáo trước, từ đó Luật sư đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- *Luật sư Nguyễn Thu H3 bào chữa cho bị cáo Nhâm Quốc T:*

Luật sư cũng thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T, nhưng Luật sư có đề nghị xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tích cực bồi thường thiệt hại với số tiền là 17.000.000 đồng cho bị hại (theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa, bị hại cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo, hoàn cảnh bị cáo có khó khăn, bị cáo sống với ông bà từ nhỏ, cha mẹ đã ly hôn,

bị cáo có nhận thức thấp, bông bột theo lời rủ rê của bạn bè nên Luật sư đề nghị xem xét toàn diện và áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự để áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát và dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo.

- *Luật sư Võ Thị Mỹ P2 bào chữa cho bị cáo Trương Minh L:*

Luật sư thông nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo L, nhưng có đề nghị xem xét là bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại với số tiền là 15.500.000 đồng cho bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo phạm tội là do bị lôi kéo từ phía bị cáo Đ, bị cáo chỉ chém người bị hại hai nhát, bị cáo không có ý thức phạm tội đến cùng nên người bị hại chỉ bị thương tích với tỷ lệ là 27%. Bị cáo cũng có ý thức ngăn chặn làm giảm bớt hậu quả nguy hiểm cho người bị hại. Do đó đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát, dưới mức 12 năm để bị cáo sớm quay về với gia đình, làm lại cuộc đời.

- *Luật sư Nguyễn Văn T7 bào chữa cho bị cáo Đinh Vũ L2:*

Luật sư thông nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo L2. Tuy nhiên, đề nghị cần xem xét cá thể hóa hình phạt tương ứng với vai trò trong vụ án, đồng thời đề nghị xem xét thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo phạm tội không có tính côn đồ, vai trò của bị cáo là bị cáo chỉ chờ bị cáo T đến nơi gây án, bị cáo không có chém bị hại, khi sự việc xảy ra bị cáo có can ngăn các bị cáo khác nên xem việc bị cáo thực hiện việc phạm tội chưa đạt, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có cha... Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo với mức án dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

- *Luật sư Võ Minh T8 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T4:*

Luật sư thông nhất về nội dung Cáo trạng, tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo T4. Luật sư đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo với lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại với số tiền là 17.000.000 đồng cho bị hại, bản thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, trong vụ án này hậu quả chết người là chưa xảy ra, bị cáo có hành vi can ngăn bị cáo Đ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị hại cũng có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo với mức án dưới mức khởi điểm mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

- *Luật sư Trịnh Hữu B1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1:*

Luật sư thông nhất với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H1, nhưng có đề nghị xem xét vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu, bị cáo chỉ cho các bị cáo L, T4 mượn dao. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị là quá cao so với vai trò đồng phạm gián đơn của bị cáo H1. Bản thân bị cáo

không có ý định tước đoạt sinh mạng của người bị hại, thương tích bị hại chỉ có 27%, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường 17.000.000 đồng cho bị hại, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh bị cáo khó khăn như còn mẹ già, khi ly hôn bị cáo phải nuôi con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, cụ thể đề nghị xem xét hình phạt ở khoản 3 Điều 123 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng mức án từ 03 – 04 năm đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe.

- *Luật sư Huỳnh Chí T9 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế Lê M:*

Luật sư thông nhất với tội danh Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo M. Tuy nhiên, đề nghị xem xét thêm về vai trò của bị cáo M trong vụ án và tình tiết giảm nhẹ tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi bị cáo M không tham gia đánh nhau và cũng đã có hành vi can ngăn làm giảm tác hại của hành vi phạm tội. Từ những căn cứ trên đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới khung đề nghị của Viện kiểm sát về mức hình phạt dưới 10 năm để bị cáo làm lại cuộc đời, mức án trên cũng đảm bảo đủ sức răn đe với bị cáo.

Phát biểu lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối hận về hành vi đã thực hiện, các bị cáo thống nhất bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục giải quyết vụ án, xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, kết hợp lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Bị cáo Nguyễn Phát Đ do biết mẹ ruột là bà Trần Thị P1 bị ông Nguyễn Ngọc P3 và bị hại Lê Hữu Đ1 đến đòi nợ. Mặc dù không có mâu thuẫn, không quen biết bị hại, nhưng sau khi ông Văn Thanh T10 (là chồng bà P1) báo tin, bị cáo đã rủ bị cáo Nguyễn Thế Lê M cùng đối tượng tên K1 tìm bị hại để giải quyết. Ngoài ra bị cáo còn điện thoại rủ thêm các bị cáo Đinh Vũ L2, Nhâm Quốc T cùng thực hiện hành vi tìm bị hại để chém. Bị cáo L2 điện thoại rủ thêm bị cáo Nguyễn Quốc T4. Bị cáo Trương Minh L nghe thông tin trên cũng thống nhất cùng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội. Về hung khí là con dao mà bị cáo L2 đã mang theo sẵn, bị cáo T4 còn đến nhà bị cáo Nguyễn Văn H1 mượn thêm hai con dao mang đi để thực hiện việc phạm tội.

Khi bị cáo Đ chở bị cáo M và đối tượng tên K1 đến nhà mẹ của bị cáo Đ để gặp bị hại, cùng đi lúc đó với bị cáo Đ còn có các bị cáo Nhâm Quốc T, Trương Minh L, Nguyễn Thế Lê M và Đinh Vũ L2. Khi gặp bị hại, các bị cáo Đ, T, L đã trực tiếp chém bị hại Lê Hữu Đ1. Riêng các bị cáo T4, L2, M ở bên ngoài chờ hỗ trợ. Như vậy, dù không quen biết, không mâu thuẫn với bị hại Lê Hữu Đ1, nhưng các bị cáo trong vụ án đã thống nhất ý định từ trước, có chuẩn bị hung khí là các con dao tự chế đi tìm gặp bị hại để chém bị hại. Đây là dấu hiệu thể hiện rõ bản chất côn đồ của các bị cáo. Trong số các bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo Đ chém bị hại khoảng 25 nhát, bị cáo T chém bị hại 05 nhát, bị cáo L chém bị hại 02 nhát. Bị hại bị chém nhiều vết thương, trong đó có những vết thương bị chém vào vùng nguy hiểm trên người như vùng đầu, vùng hông của bị hại. Sau khi chém bị hại, các bị cáo không đưa bị hại đi cấp cứu mà cùng bỏ đi, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Việc bị hại Lê Hữu Đ1 chưa bị tước đoạt sinh mạng là do được người dân xung quanh đưa đi cấp cứu kịp thời, bị hại không tử vong là ngoài ý muốn của các bị cáo.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ xác định các bị cáo phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Vụ án có nhiều bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện việc phạm tội. Vai trò, mức độ tham gia, nhân thân của các bị cáo có khác nhau được đánh giá như sau. Đối với:

+ Bị cáo Nguyễn Phát Đ giữ vai trò chủ mưu cầm đầu trong vụ án. Khi biết được tin bị hại Đ1 cự cãi với mẹ ruột tại nhà của ông Văn Thanh T10, bị cáo đã rủ rê và kêu đồng bọn chuẩn bị dao tự chế đi đánh nhau với bị hại nhằm giải quyết mâu thuẫn. Bị cáo đã trực tiếp sử dụng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém liên tiếp hơn 20 nhát trúng vào vùng đầu - là vùng trọng yếu trên cơ thể, vùng lưng, tay của bị hại. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự; quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã khắc phục được số tiền 1.000.000 đồng cho bị hại.

+ Bị cáo Đinh Vũ L2: sau khi được Đ rủ đi đánh nhau thì L2 đồng ý và chuẩn bị một con dao tự chế mang theo làm hung khí đánh nhau. L2 điều khiển xe mô tô biển số 65D1-491.94 chở bị cáo T ngồi sau cầm hung khí. Sau khi chém nhau xong, L2 cũng là người chở T tẩu thoát khỏi hiện trường. Xét về nhân thân, L2 không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Quốc T4: sau khi được bị cáo L2 điện thoại rủ lên nhà của Đ để đánh nhau tiếp Đ thì T4 đồng ý. T4 điều khiển xe mô tô biển số 65B2-218.47 chở L ngồi sau. Trên đường đi L và T4 ghé nhà của H1 để mượn hai con dao tự chế mang theo làm hung khí đánh nhau. Sau khi chém bị hại Đ1 nằm gục xuống đất, T4 chở L tẩu thoát khỏi hiện trường về nhà của H1 để trả hai con dao, đồng thời cho H1 biết sự việc chém nhau đã xong. Xét về nhân thân, T4 không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị can đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Thế Lê M: sau khi được Đ rủ đi đánh nhau thì bị cáo đồng ý. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 95E1-834.49 chở Đ cầm dao tự chế đến hiện trường để Đ dùng dao tự chế chém bị hại Đ1. Sau khi, chém xong bị cáo lên xe cùng với Đ tẩu thoát khỏi hiện trường. Xét về nhân thân, M không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng.

+ Bị cáo Trương Minh L: bị cáo nghe được thông tin Đ rủ đi đánh nhau và đề nghị được đi theo nhằm giúp sức cho Đ. Trong quá trình đánh nhau, bị cáo trực tiếp sử dụng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém 02 nhát vào lưng của bị hại. Xét về nhân thân, bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 15.500.000 đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn H1: khi T4 và L đến nhà của bị cáo để mượn hai con dao để đi chém nhau cho Đ thì bị cáo đã đồng ý đi ra phía sau nhà lấy hai con dao được đựng trong giỏ xách đựng gà đưa cho T4 mượn đi chém nhau. Bị cáo H1 hoàn toàn biết sự việc T4 và L mượn dao đi đánh nhau cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng H1 vẫn đồng ý. Hai con dao mà H1 cho mượn đã được bị cáo L và Đ sử dụng chém bị hại Đ1. Sau khi chém nhau xong, T4 cũng thông báo cho H1 biết sự việc đã chém nhau. Xét về nhân thân, H1 không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nhâm Quốc T: khi được Đ rủ đi đánh nhau thì bị cáo T đồng ý. Trong quá trình đánh nhau, bị cáo đã trực tiếp sử dụng dao tự chế là hung khí nguy hiểm chém 04-05 nhát vào lưng, tay của bị hại Đ1. Xét về nhân thân, bị

cáo T không có tiền án nhưng có 02 tiền sự; quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 17.000.000 đồng.

Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi xem xét hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử cá biệt hóa mức độ phạm tội của các bị cáo để xử lý như sau:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Phát Đ, bị cáo có vai trò chủ mưu, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo cũng là người thực hiện tội phạm tích cực nhất, bị cáo cũng chưa bồi thường thiệt hại nhiều cho người bị hại, về nhân thân bị cáo đang có tiền sự chưa được xóa nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

+ Đối với các bị cáo Nhâm Quốc T, Trương Minh L cũng là những người phạm tội tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi xâm phạm người bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang bằng nhau, mức độ xử lý của các bị cáo phải tương xứng chỉ sau bị cáo Đ.

+ Các bị cáo Đinh Vũ L2, Nguyễn Quốc T4, tuy các bị cáo này không trực tiếp chém bị hại, nhưng có đến hiện trường nhằm mục đích hỗ trợ cho các bị cáo Đ, T, L tấn công bị hại nếu như gặp sự chống trả mạnh mẽ của người bị hại. Vì vậy các bị cáo này cũng phải chịu mức độ xử lý cao chỉ sau các bị cáo Đ, T và L. Nhưng xét các bị cáo đã bồi thường gần như toàn bộ việc bồi thường theo nghĩa vụ mà mỗi bị cáo phải chịu nên Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thế Lê M: Tuy bị cáo không trực tiếp chém người bị hại, nhưng cũng đã đến hiện trường gây án để nhằm mục đích hỗ trợ các bị cáo trực tiếp thực hiện việc chém bị hại. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án kết án về tội “Cố ý gây thương tích” nhưng đã được xóa án tích. Trong vụ án này, bị cáo cũng mới bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho người bị hại nên không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1: Tuy vai trò, mức độ tham gia của bị cáo là thấp hơn so với các bị cáo khác. Bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, không đến hiện trường gây án để hỗ trợ cho các bị cáo khác, nhưng bị cáo cũng thống nhất ý chí với việc phạm tội cùng các bị cáo khác, việc bị cáo cho các bị cáo khác mượn dao gây án đã thể hiện vai trò đồng phạm của bị cáo. Do đó bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải của các bị cáo; các bị cáo ở các mức độ khác nhau nhưng đều có bồi thường thiệt hại cho người bị hại nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, người bị hại Lê Hữu Đ1 cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng các bị cáo Đinh Vũ L2, Nguyễn Quốc T4 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự cũng được Hội đồng xét xử đánh giá khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Hữu Đ1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí điều trị với tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Các bị cáo đều thống nhất với yêu cầu này. Vì vậy mỗi bị cáo phải bồi thường với số tiền là 17.143.000 đồng cho bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là tịch thu tiêu hủy các hung khí các bị dùng làm công cụ phạm tội, quần áo thu giữ của các bị cáo, những vật dụng không có giá trị được cơ quan điều tra thu giữ. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước những phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội như: xe gắn máy, điện thoại. Trả lại cho các bị cáo điện thoại, trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan điện thoại, xe gắn máy không có liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo.

[6] Đối với đối tượng tên là K1 là người có đến hiện trường gây án của các bị cáo, thống nhất với việc cùng bị cáo Nguyễn Phát Đ tìm đánh người bị hại Lê Hữu Đ1, sau khi đánh nhau xong chở Đ và M trốn khỏi hiện trường do không rõ nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa tiếp xúc làm việc được. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo pháp luật.

Trong quá trình đánh nhau, bị cáo Nguyễn Phát Đ và bị hại Lê Hữu Đ1 đã làm hư hỏng tài sản của ông Văn Thanh T10 gồm 01 (một) tấm kính cửa và 02 (hai) ghế nhựa. Do thiệt hại tài sản nhỏ nên ông T10 không có yêu cầu bồi thường và không yêu cầu xử lý hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi yêu cầu định giá tại Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố C để làm căn cứ xử lý. Tuy nhiên thiệt hại tài sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[7] Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu trên giá trị số tiền các bị cáo chưa bồi thường.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo **Nguyễn Phát Đ (Đ nhỏ, H), Nhâm Quốc T, Trương Minh L (B), Đinh Vũ L2, Nguyễn Quốc T4, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thế Lê M (Nguyễn Thế Lê M1)** phạm tội “*Giết người*”.

**2. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Phát Đ (Đ nhỏ, H) 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31/12/2024.

**3. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nhâm Quốc T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31/12/2024.

**4. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Trương Minh L (B) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 31/12/2024.

**5. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Đinh Vũ L2 09 (chín) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/8/2025.

**6. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Quốc T4 09 (chín) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/8/2025.

**7. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn H1 08 (tám) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 12/8/2025.

**8. Áp dụng:** điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Thế Lê M (Nguyễn Thế Lê M1) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 18/9/2025.

Kiến nghị cơ quan điều tra Công an Thành phố C tiếp tục xác minh làm rõ hành vi của đối tượng tên K1, nếu có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

**9. Về trách nhiệm dân sự:**

Căn cứ Điều 584, 590 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 120.000.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường 17.143.000 đồng cho bị hại Lê Hữu Đ1. Cụ thể:

- Bị cáo Nguyễn Phát Đ đã bồi thường 1.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 16.143.000 đồng.

- Bị cáo Nhâm Quốc T đã bồi thường 17.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 143.000 đồng.

- Bị cáo Trương Minh L đã bồi thường 15.500.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 1.643.000 đồng.

- Bị cáo Đinh Vũ L2 đã bồi thường 17.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 143.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Quốc T4 đã bồi thường 17.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 143.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn H1 đã bồi thường 17.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 143.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thế Lê M đã bồi thường 1.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 16.143.000 đồng.

Bị hại Lê Hữu Đ1 được liên hệ Thi hành án Dân sự thành phố C để nhận số tiền 85.500.000 đồng gia đình các bị cáo đã nộp theo biên lai số 0000187 ngày 22/01/2026; biên lai số 0000395 ngày 09/02/2026; biên lai số 0000393 ngày 09/02/2026; biên lai số 0002043 ngày 25/11/2025; biên lai số 0000671 ngày 12/03/2026; biên lai số 0000670 ngày 12/3/2026 và Ủy nhiệm chi lập ngày 13/01/2026.

Kể từ khi người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo chậm trả số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

**10. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

\* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) áo thun có bầu, tay ngắn màu đen của Đinh Vũ L2.
- 01 (một) quần jean dài màu xanh của Đinh Vũ L2.
- 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng của Đinh Vũ L2.
- 01 (một) con dao tự chế cán nhựa, lưỡi bằng kim loại dài 50 cm của Nguyễn Văn H1.

- 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 52 cm của Nguyễn Văn H1.

- 01 (một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 58 cm do ông Nguyễn Văn T12 giao nộp.

- 03 (ba) ghế nhựa màu xanh loại ghế tựa 04 chân, trong đó có hai ghế gãy mất một chân sau do ông Văn Thanh T10 giao nộp.

- 01 (một) bọc nilong màu trắng có chứa nhiều mảnh thủy tinh vỡ do ông Văn Thanh T10 giao nộp.

- 01(một) con dao tự chế cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại dài 45 cm do ông Văn Thanh T10 giao nộp.

\* Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 10 5G, số IMEL 1: 862807057011541, có gắn sim 0794.234.326 của Đinh Vũ L2.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro màu xanh đen; IMEL 1: 864182042572751, có gắn thẻ sim: 0913.748.426 của Nhâm Quốc T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Max màu trắng; IMEL: 351037754993498 của Nguyễn Phát Đ.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave 110 màu xanh biển số 95E1-834.49 có số khung: RLHHC09093Y414008; Số máy: HC09E-0413616 của Nguyễn Phát Đ.

\* Trả lại cho:

- Ông Trương Ngọc Nhật L1: 01 (một) xe mô tô hiệu Vario 125 màu trắng đen biển số 65B2-218.47; số khung: MH1JM5111JK012879; số máy: JM51E1013240.

- Trương Minh L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 màu trắng; Imel: 356646100254036, có gắn thẻ sim: 0908.062.800.

- Thi Thiên T11: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max màu xanh đen; IMEL: 353897105700845 có gắn thẻ sim: 0907.374.524.

- Nguyễn Văn H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23 màu xám; Imel: 352379551914098, có gắn thẻ sim: 0939.700.820.

- Nguyễn Quốc T4: 01 (một) điện thoại Iphone 14 Pro màu đen; IMEL: 356378584657696.

- Đinh Vũ L2: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A11 màu xanh, Imel: 356347112257386.

**11. Về án phí:** áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Phát Đ phải chịu 807.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nhâm Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trương Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Vũ L2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Quốc T4 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thế Lê M phải chịu 807.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- CQCSĐT Tp. Cần Thơ;
- Trại tạm giam số 1 CATp. Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- Lưu: HSVA, Văn phòng.

**Phạm Văn Bình**